

GIẢI PHÁP ĐA DẠNG HÓA NGUỒN TÀI CHÍNH CHO BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở NƯỚC TA

TS. Ngô Văn Lượng* - Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền* - Nguyễn Việt Năng**

Bảo vệ môi trường là vấn đề mang tính thời sự, cấp bách hiện nay ở hầu hết các quốc gia. Đồng thời, cũng hết sức khó khăn và nhiều thách thức. Với quan điểm đầu tư bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững. Tại Hội nghị Trung ương 7, khóa XI đã thông qua Nghị quyết về “chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường” trong đó xác định nhiệm vụ tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho bảo vệ môi trường. Bài viết này, khái quát về nguồn tài chính cho BVMT những năm qua và đề xuất giải pháp đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong những năm tới.

• Từ khóa: đa dạng hóa nguồn tài chính; giải pháp tài chính; bảo vệ môi trường.

Environmental protection is a pressing and urgent issue in most countries today. At the same time, it poses significant difficulties and challenges. With the perspective that investing in environmental protection is an investment in sustainable development, the 7th Plenum of the 11th Central Committee passed a Resolution on "Proactively responding to climate change, strengthening resource management, and environmental protection". This resolution highlights the task of enhancing and diversifying resources for environmental protection. This article provides an overview of financial resources for environmental protection in recent years and proposes solutions to diversify financial resources for environmental protection in Vietnam in the coming years.

• Key words: diversification of financial resources; financial solutions; environmental protection.

Ngày gửi bài: 17/01/2025

Ngày gửi phản biện: 24/01/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 23/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 25/4/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i292.05>

1. Giới thiệu

Những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực, nhất là nền kinh tế tăng trưởng ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã bộc lộ nhiều bất cập và tạo nhiều áp lực lên môi trường, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học của đất nước. Tình trạng ô nhiễm môi trường tiếp tục diễn biến phức tạp, với nhiều điểm nóng, nhiều nơi, chất lượng môi trường giảm sút nghiêm trọng. Đáng lo ngại, các sự cố môi trường tiếp tục gia tăng, nhiều vụ ảnh hưởng trên phạm vi rộng lớn, diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho công tác quản lý và khắc phục hậu quả. Có thể nói, kinh tế càng phát triển thì càng làm cho môi trường bị ô nhiễm. Bởi vậy, để phát triển bền vững, vấn đề bảo vệ môi trường là yếu tố cực kỳ quan trọng. Tuy nhiên, cần phải có đầy đủ và sự ổn định tài chính, điều này chỉ có thể đạt được khi

có các giải pháp hữu hiệu trong việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho môi trường.

2. Khái quát về nguồn lực tài chính cho BVMT

Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 của Việt Nam, nguồn lực tài chính cho BVMT bao gồm: (1) Ngân sách Nhà nước; (2) Nguồn vốn xã hội hóa; (3) Tín dụng xanh; (4) Trái phiếu xanh và (5) Nguồn từ quỹ bảo vệ môi trường.

Về nguồn từ NSNN: Theo báo cáo về công tác BVMT năm 2020 của Chính phủ, NSNN bố trí cho sự nghiệp môi trường năm 2020 là 21.420 tỷ đồng, tương đương 1,2% tổng chi NSNN, tăng 982 tỷ đồng so với năm 2019 và tăng 6.324 tỷ đồng so với năm 2018. Trong đó, kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường Trung ương là 2.450 tỷ đồng, kinh phí sự nghiệp BVMT địa phương là 18.974 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2021-2024 tỷ lệ chi NSNN cho BVMT còn khá khiêm tốn, chỉ đạt được khoảng 0,84%, thấp hơn mức trung bình 1% GDP của các nước ASEAN và 3%-4% của các nước phát triển (kinhtevadubao.vn). Trong năm 2023, tổng kinh phí sự nghiệp BVMT từ NS Trung ương được dự toán là 1.920 tỷ đồng, tính đến thời điểm báo cáo đã phân bổ được gần 1.500 tỷ đồng. Năm 2024, theo đề xuất phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ BVMT là 1.436 tỷ đồng.

Về nguồn xã hội hóa: Nguồn vốn này bao gồm: nguồn vốn của doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động BVMT, nguồn đóng góp, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Trong giai đoạn 2020-2024, nhiều doanh nghiệp đã tự đầu tư vào các dự án nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, cụ thể là đầu tư đổi mới công nghệ xử lý chất thải; xây dựng và vận hành các công trình BVMT; thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường; triển khai các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường; trong năm 2024, các doanh nghiệp tích cực tham gia chương trình “Vì môi trường xanh quốc gia năm 2024”, đóng góp các khoản thuế, phí BVMT, gồm phí cố định và phí biến đổi dựa trên mức độ ô nhiễm. Mức phí cố định là 3 triệu đồng/năm. Một số địa phương có đóng góp tích cực nguồn thu từ lĩnh vực tài nguyên và môi trường

* Học viện Tài chính; email: ngoluong09@gmail.com - huyennntt@hvtc.edu.vn

cho NSNN như An Giang 1.406 tỷ đồng; Hà Nội đã đầu tư đáng kể cho công tác BVMT, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong năm 2024, Hà Nội dự kiến chi 68 tỷ đồng để cung cấp chế phẩm sinh học xử lý phụ phẩm cây trồng và mua thùng chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật; năm 2025 Hà Nội tiếp tục hỗ trợ 35 tỷ đồng cho các huyện thực hiện BVMT trong trồng trọt... Những đóng góp này thể hiện sự tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp, hướng tới phát triển bền vững. Đối với nguồn vốn đóng góp, viện trợ, tài trợ trong những năm gần đây, các Bộ, ngành đã tích cực chủ động vận động, huy động nguồn lực quốc tế cho công tác BVMT và thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường thông qua thúc đẩy các chương trình, dự án hợp tác với các đối tác phát triển trong lĩnh vực BVMT. Cụ thể là theo Bộ Tài chính, năm 2020, nguồn viện trợ không hoàn lại liên quan đến công tác BVMT là 4,76 triệu USD, tương đương với 110,5 tỷ đồng. Trong đó, có các chương trình, dự án lớn như: thỏa thuận dự án với Trung Quốc các dự án sử dụng Quỹ đặc biệt Hợp tác Mê Kông - Lan thương với tổng giá trị viện trợ không hoàn lại là 1.460.500 USD cho 4 dự án, trong đó có 1 dự án về BVMT với giá trị 467.600 USD; chương trình môi trường Liên hợp quốc thực hiện dự án xử lý rác thải nhựa tại khu vực Mê Kông, trong đó Nhật Bản cam kết cung cấp 5,7 triệu USD; hợp tác với EU triển khai Chương trình Hỗ trợ chính sách phát triển năng lượng bền vững tới khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo trị giá 108 triệu Euro.

Năm 2022, theo thông tin từ Quỹ BVMT Việt Nam, có 56 nhà sản xuất và nhập khẩu đã đóng góp tổng cộng hơn 393 tỷ đồng để hỗ trợ hoạt động tái chế và xử lý chất thải. Năm 2023 có 60 nhà sản xuất và nhập khẩu đã đóng góp gần 435 tỷ đồng để hỗ trợ xử lý chất thải; từ các tổ chức phi Chính phủ tài trợ 233.500.000 đồng.

Về cấp tín dụng xanh: Đối với những dự án có mục tiêu rõ ràng trong việc BVMT, Ngân hàng Nhà nước khuyến khích cấp tín dụng xanh theo Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015, đặc biệt khi Luật BVMT năm 2020 được ban hành thì việc cấp tín dụng xanh đã được luật hóa theo các quy định cụ thể.

Về trái phiếu xanh: Nguồn tiền thu được từ việc phát hành các loại trái phiếu xanh được sử dụng cho các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực BVMT, dự án mang lại lợi ích cho môi trường. Theo thống kê, năm 2021 tổng giá trị trái phiếu xanh phát hành đạt 37.000 tỷ đồng, năm 2024 con số này tăng lên 6.870 tỷ đồng. Trong số này chiếm tới hơn 30% dùng để hỗ trợ cho các dự án BVMT

Về nguồn vốn từ Quỹ bảo vệ môi trường: Theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, vốn điều lệ của Quỹ được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn NSNN, trong đó, vốn điều lệ của Quỹ BVMT Việt Nam tối thiểu là 3.000 tỷ đồng, vốn điều lệ của Quỹ BVMT cấp tỉnh tối thiểu là 30 tỷ đồng.

Theo thông tin từ Quỹ BVMT Việt Nam, tại chương trình nâng cao năng lực tiếp cận nguồn vốn xanh cho DN do Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương và

ITC tổ chức trong 2 ngày 27 và 28/10/2021, tính trong giai đoạn 2016-2021, Quỹ đã giải ngân được 21,224 tỷ đồng để thực hiện các chương trình, sự kiện, giải thưởng môi trường quốc gia; các hoạt động triển khai chính sách nâng cao kiến thức cộng đồng về môi trường và một số nhiệm vụ khác.

Cho vay với lãi suất ưu đãi hơn 350 dự án tại 54 tỉnh, thành phố trên cả nước với số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 3.362 tỷ đồng, tài trợ trên 200 dự án và hỗ trợ kinh phí cho các địa phương khắc phục ô nhiễm môi trường sau thiên tai; nhận ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...

3. Đánh giá thực trạng việc đa dạng hóa tài chính cho BVMT

Kết quả đạt được

Việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho BVMT ở Việt Nam trong những năm qua đã đạt được kết quả tích cực. Cụ thể là:

Một là, Chính phủ luôn quan tâm đến vấn đề đầu tư từ NSNN cho BVMT mặc dù kinh tế còn hạn hẹp, thể hiện đầu tư cho BVMT từ NSNN tăng lên đáng kể, từ 23,6 nghìn tỷ đồng năm 2015 lên 21,2 nghìn tỷ năm 2021 (tăng 55,8%).

Hai là, sự tham gia của khu vực tư nhân, cộng đồng xã hội và các tổ chức quốc tế cho công tác BVMT đã góp phần giảm bớt gánh nặng cho NSNN, đồng thời tạo sự đồng thuận của xã hội trong công tác BVMT.

Ba là, phát triển công cụ tài chính xanh. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án BVMT tiếp cận nguồn vốn ưu đãi phục vụ cho BVMT.

Bốn là, tăng cường hợp tác quốc tế và thu hút nguồn vốn ODA cho công tác BVMT; học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu trong quản lý chặt chẽ và hiệu quả các nguồn tài chính cho BVMT.

Hạn chế

Một là, hạn chế về khung pháp lý và chính sách. Khung pháp lý cho tài chính xanh còn có những bất cập nhất định; việc xây dựng và áp dụng các tiêu chí cho tín dụng xanh, trái phiếu xanh hoặc thuế carbon chưa đồng bộ nên gây cho các tổ chức tài chính những khó khăn nhất định; hệ thống quản lý Quỹ BVMT chưa chặt chẽ, chưa minh bạch, thiếu cơ chế giám sát hiệu quả, gây ra tình trạng thất thoát, lãng phí nguồn vốn. Chưa có cơ chế chính sách khuyến khích mạnh mẽ, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư cho BVMT như chính sách miễn, giảm thuế, hỗ trợ lãi suất hoặc bảo lãnh tài chính.

Hai là, kiến thức và nhận thức của nhiều doanh nghiệp và người dân về vấn đề BVMT còn nhiều hạn chế, chưa hiểu rõ về cơ hội tài chính xanh hoặc không biết cách tiếp cận các quỹ hỗ trợ từ ngân hàng, tổ chức tài chính quốc tế. Mặt khác, nguồn tài chính của doanh nghiệp hạn hẹp nên việc đầu tư, đóng góp cho công tác BVMT còn ở mức rất khiêm tốn.

Ba là, thiếu mô hình hợp tác công - tư hiệu quả. Việc hợp tác giữa Chính phủ và tư nhân trong lĩnh vực BVMT còn hạn chế do thiếu cơ chế phân chia lợi nhuận hợp lý và sự minh bạch trong thực hiện dự án về BVMT.

Bốn là, NSNN còn hạn hẹp nên việc đầu tư từ NSNN cho BVMT còn gặp nhiều khó khăn, thách thức;

Năm là, khả năng tiếp cận vốn của các tổ chức và dự án BVMT từ các tổ chức tín dụng và quỹ tài chính xanh còn thấp, bởi nhiều lý do như thủ tục vay vốn của các doanh nghiệp còn nhiều phức tạp, điều kiện khắt khe, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mặt khác, các sản phẩm tài chính hỗ trợ BVMT như quỹ đầu tư xanh, bảo hiểm rủi ro môi trường, các mô hình tín dụng cho doanh nghiệp xanh còn rất ít;

Sáu là, thiếu khả năng xây dựng dự án: nhiều đơn vị chưa có kinh nghiệm và năng lực trong việc xây dựng dự án BVMT theo tiêu chuẩn quốc tế, vì thế việc tiếp cận các quỹ tài trợ từ các tổ chức quốc tế còn rất khó khăn. Mặt khác, việc khai thác các nền tảng tài chính số, blockchain hay crowdfunding (gọi vốn cộng đồng) chưa đạt hiệu quả cao để huy động vốn cho các dự án BVMT

4. Giải pháp đa dạng hóa nguồn tài chính cho BVMT

Để có đầy đủ vốn và sự ổn định của các nguồn vốn cho công tác BVMT, cần thực hiện hiệu quả các giải pháp đa dạng hóa nguồn tài chính dưới đây:

Một là, hoàn thiện khung pháp lý và các chính sách hỗ trợ. Chính phủ tiếp tục rà soát các hoàn thiện khung pháp lý, các chính sách miễn, giảm thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT, thuế nhập khẩu các thiết bị, công nghệ xanh...) đối với các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án BVMT; tạo điều kiện về vốn vay ưu đãi với lãi suất thấp cho các doanh nghiệp đầu tư vào năng lượng tái tạo, xử lý chất thải, nước thải, tiết kiệm năng lượng; thực hiện chính sách trợ giá cho các sản phẩm thân thiện với môi trường; tăng cường thu phí môi trường từ các doanh nghiệp gây ô nhiễm để vừa tạo nguồn tài chính cho BVMT vừa nâng cao trách nhiệm đối với doanh nghiệp trong BVMT.

Hai là, phát triển chính sách tài chính xanh. Để thực hiện giải pháp này, cần thiết phải xây dựng Chiến lược quốc gia về tài chính xanh gắn với cam kết giảm phát thải và phát triển bền vững; lồng ghép các nguyên tắc tài chính xanh với hệ thống pháp luật và chính sách kinh tế; xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể về tín dụng xanh, trái phiếu xanh nhằm hướng dẫn hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng; thành lập các quỹ đầu tư xanh do Nhà nước hoặc tư nhân quản lý để hỗ trợ cho các dự án BVMT; khuyến khích các quỹ đầu tư mạo hiểm tham gia vào các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực môi trường; mở rộng tín dụng xanh và bảo hiểm rủi ro môi trường; phát triển sản phẩm bảo hiểm rủi ro môi trường, giúp doanh nghiệp có cơ chế bảo vệ tài chính khi sự cố môi trường xảy ra; ban hành và triển khai thực hiện các quy định về trách nhiệm tài chính của doanh nghiệp trong BVMT như quy trình về ký quỹ cải tạo môi trường, các quy định về đóng góp quỹ môi trường.

**** Lược niên chế: 11.05CLC - Học viện Tài chính**

Ba là, tăng cường sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong BVMT; khuyến khích đầu tư theo mô hình đối tác công-tư (PPP); xây dựng chính sách hỗ trợ nhà đầu tư tư nhân tham gia vào các dự án xử lý nước thải, chất thải rắn, năng lượng tái tạo; đảm bảo tính minh bạch về chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và doanh nghiệp nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực BVMT; có chính sách thường thỏa đáng, minh bạch đối với các doanh nghiệp tư nhân có thành tích xuất sắc trong BVMT, đồng thời thực hiện chế tài phạt nghiêm minh đối với những doanh nghiệp vi phạm, gây ra ô nhiễm môi trường.

Bốn là, phát triển các quỹ bảo vệ môi trường. Theo đó, cần bố trí hợp lý nguồn từ NSNN cho quỹ này; phân bổ nguồn thu từ thuế, phí môi trường và các khoản tiền phạt thu được vào quỹ BVMT; có chính sách khuyến khích thỏa đáng đối với doanh nghiệp đóng góp và quỹ BVMT thông qua cơ chế tín dụng carbon và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có đóng góp vào quỹ này.

Năm là, ứng dụng công nghệ mới trong tài chính BVMT. Để thực hiện điều này, cần tăng cường phát triển các nền tảng gọi vốn cộng đồng để huy động vốn cho các dự án BVMT; sử dụng blockchain để đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính xanh.

Sáu là, tận dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế. Theo đó, cần tăng cường thúc đẩy hợp tác với các quỹ môi trường toàn cầu. Cụ thể là, tăng cường tham gia vào các quỹ như quỹ môi trường toàn cầu (GEF), quỹ khí hậu xanh (GCF), quỹ phát triển bền vững của Ngân hàng Thế giới (WB); tận dụng và quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho các dự án BVMT.

Bảy là, nâng cao năng lực quản lý và giám sát tài chính môi trường. Để thực hiện giải pháp này, cần xây dựng hệ thống giám sát và báo cáo tài chính môi trường nhằm kiểm soát hiệu quả việc sử dụng nguồn tài chính cho BVMT; công khai thông tin về các khoản đầu tư cho BVMT nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình. Mặt khác, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tài chính, kế toán môi trường nhằm hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong việc hạch toán, kiểm soát và giám sát tài chính môi trường.

Kết luận: Vấn đề đa dạng hóa nguồn tài chính cho BVMT không chỉ giúp cho tăng cường khả năng tài trợ cho các sáng kiến và dự án môi trường mà còn tạo ra một hệ sinh thái tài chính bền vững. Điều này đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa các nguồn tài chính của Chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức quốc tế để xây dựng một nền tảng tài chính vững chắc cho công tác BVMT.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2021-2024). Báo cáo chi NSNN hàng năm.
 Mai Chi (2022). Đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường, truy cập từ <https://monre.gov.vn/Pages/da-dang-hoa-nguon-luc-tai-chinh-cho-bao-ve-moi-truong.aspx>.
 Ngô Thế Chi (2021). Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ở Việt Nam", đề tài NCKH cấp cơ sở Học viện Tài chính năm 2022.
 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2022.
 A. Weber (2015), "Investment decision for the territory", *The International Journal of Economic*, 45(2), 218-230.
 Boutilier, R.A (2017). The effect of developed economic zones on economic growth, *Asian Economic and Financial Review*, 35 (3), 231-243.